TRƯỜNG TIỂU HỌC .....

Họ và tên: .....

Lớp: 4 .....

Điểm	Lời phê của thầy cô

ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KỲ I

Môn: Toán lớp 4 · Đề số 18

Năm học 2026-2027 · Thời gian làm bài: 40 phút

A. TRẮC NGHIỆM (4 điểm) *Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng.*

Câu 1. *(0,5 điểm)* Dãy số 20, 24, 28, ……, 80 có bao nhiêu số?

A. 17 **B.** 16 **C.** 15 **D.** 18

Câu 2. *(0,5 điểm)* Giá trị của chữ số 7 trong số 679 950 là:

A. 7000 **B.** 7 **C.** 70 000 **D.** 700 000

Câu 3. *(0,5 điểm)* Làm tròn số 9 233 543 đến hàng trăm nghìn ta được số:

A. 9 200 000 **B.** 9 000 000 **C.** 9 300 000 **D.** 9 230 000

Câu 4. *(0,5 điểm)* Số thích hợp điền vào chỗ chấm: 3487 + 255 = 255 + ……

A. 255 **B.** 3742 **C.** 3487 **D.** 3232

Câu 5. *(0,5 điểm)* Tổng của hai số là 2608, số lớn hơn số bé 136 đơn vị. Số bé là:

A. 1372 **B.** 136 **C.** 1304 **D.** 1236

Câu 6. *(0,5 điểm)* 4 phút 51 giây = …… giây

A. 451 **B.** 351 **C.** 291 **D.** 55

Câu 7. *(0,5 điểm)* Hình thoi có đặc điểm nào sau đây?

A. Có bốn góc vuông

B. Chỉ có một cặp cạnh song song

C. Có ba cạnh bằng nhau

D. Có hai cặp cạnh đối diện song song và bốn cạnh bằng nhau

Câu 8. *(0,5 điểm)* Góc bẹt được chia thành hai góc, một góc có số đo 30°. Góc còn lại có số đo là:

A. 60° **B.** 330° **C.** 30° **D.** 150°

B. TỰ LUẬN (6 điểm)

Câu 9. *(1 điểm)* Viết số thích hợp vào chỗ chấm:

a) Số gồm 3 triệu, 5 chục nghìn, 6 trăm và 5 đơn vị viết là: ……

b) Số «mười bốn triệu bảy trăm mười hai nghìn không trăm bốn mươi bảy» viết là: ……

c) Làm tròn số 422 628 đến hàng trăm nghìn được: ……

Câu 10. *(1 điểm)* Tính bằng cách thuận tiện:

a) 5009 + 883 + 117 = ……

b) 6445 + 6615 − 445 = ……

c) 798 + 2880 + 2 = ……

Câu 11. *(1 điểm)* Viết số thích hợp vào chỗ chấm:

a) 4 tấn 87 kg = ……. kg

b) 7 tạ = ……. yến

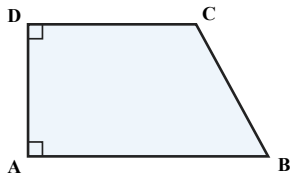
c) 8 m² 66 dm² = ……. dm²

d) 6 phút 29 giây = ……. giây

Câu 12. *(1 điểm)* Đúng ghi Đ, sai ghi S:

a) Hình bình hành có bốn cạnh bằng nhau	
b) Năm 1998 thuộc thế kỉ XIX	
c) 1 phút = 100 giây	
d) Hai đường thẳng vuông góc tạo thành bốn góc vuông	

Câu 13. *(1 điểm)* Quan sát hình bên (góc vuông đã được đánh dấu) rồi viết số thích hợp vào chỗ chấm:



a) Số góc vuông: …….

b) Số góc nhọn: …….

c) Số góc tù: …….

Câu 14. *(1 điểm)* Một mảnh vườn hình chữ nhật có chu vi 162 m, chiều dài hơn chiều rộng 21 m. Tính chiều dài, chiều rộng và diện tích mảnh vườn.

a) Chiều dài: ……. m

b) Chiều rộng: ……. m

c) Diện tích: ……. m²

HẾT

ĐÁP ÁN VÀ HƯỚNG DẪN CHẤM

Đề kiểm tra cuối học kỳ I Toán lớp 4 · Đề số 18

A. Trắc nghiệm (mỗi câu đúng 0,5 điểm)

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8
Đáp án	B	C	A	C	D	C	D	D

B. Tự luận (mỗi câu 1 điểm)

Câu 9.

a) 3 050 605

b) 14 712 047

c) Chữ số hàng chục nghìn là 2 nên được 400 000

Câu 10.

a) 5009 + (883 + 117) = 5009 + 1 000 = 6009

b) (6445 − 445) + 6615 = 6000 + 6615 = 12 615

c) (798 + 2) + 2880 = 800 + 2880 = 3680

Câu 11.

a) 4000 + 87 = 4087

b) 1 tạ = 10 yến: 70

c) 800 + 66 = 866

d) 6 × 60 + 29 = 389

Câu 12.

a) S; b) S; c) S; d) Đ

Câu 13.

Dùng ê ke kiểm tra các góc ở đỉnh của hình thang vuông ABCD: 2 góc vuông, 1 góc nhọn, 1 góc tù.

Câu 14.

Nửa chu vi: 162 : 2 = 81 (m)

Chiều dài: (81 + 21) : 2 = 51 (m)

Chiều rộng: 51 − 21 = 30 (m)

Diện tích: 51 × 30 = 1530 (m²)